

Số: 1374/XMCP-ĐT&QLTS
V/v Báo giá cung cấp than tháng 11 và tháng 12
năm 2025

Quang Hanh, ngày 3 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Quý nhà thầu.

Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đề nghị Quý nhà thầu báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Phạm vi công việc và các nội dung yêu cầu

1. Cụ thể phạm vi công việc như sau:

Tên hàng hóa	Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng ($\pm 10\%$)	Tiến độ cung cấp
Than cám	(Theo bảng chỉ tiêu kỹ thuật)	Tấn	48.000	50 ngày (Theo từng đơn đặt hàng cụ thể)

Bảng chỉ tiêu kỹ thuật:

a. Chỉ tiêu kỹ thuật than nhập khẩu có nhiệt trị $Q^k \geq 6400$ Kcal/kg

Item Chỉ tiêu	Basic Tiêu chuẩn	Typical Tiêu chuẩn	Rejection Từ chối
Total Moisture/ Độ ẩm	AR	8,5%	> 13,0%
Ash/ Độ tro	AD	19÷25%	< 19,0% > 25,0%;
Volatile Matter/ Chất bốc	AD	12÷19%	< 12,0% > 19,0%;
Total Sulfur/ Lưu huỳnh	AD	$\leq 0,9$	> 0,9%
Gross Calorific Value/Tổng nhiệt trị	DB	≥ 6.400 kcal/kg	< 6.300 kcal/kg
HGI/chỉ số nghiền		≥ 65	< 65
Size/cỡ hạt (0÷50mm) Size/cỡ hạt (50mm ÷ 100 mm)		95% $\leq 5\%$	> 5%

b. Chỉ tiêu kỹ thuật than than nhập khẩu pha trộn có nhiệt trị $Q^k \geq 6400$ Kcal/kg

Item Chỉ tiêu	Basic Tiêu chuẩn	Typical Tiêu chuẩn	Rejection Từ chối
Total Moisture/ Độ ẩm	AR	8,5%	> 13,0%

Item Chỉ tiêu	Basic Tiêu chuẩn	Typical Tiêu chuẩn	Rejection Từ chối
Ash/ Độ tro	AD	19÷25%	< 19,0% > 25,0%;
Volatile Matter/ Chất bốc	AD	12÷19%	< 12,0% > 19,0%;
Total Sulfur/ Lưu huỳnh	AD	≤ 0,9	> 0,9%
Gross Calorific Value/Tổng nhiệt trị	DB	≥ 6.400 kcal/kg	< 6.300 kcal/kg
HGI/chi số nghiền		≥ 65	< 65
Size/cỡ hạt (0÷50mm) Size/cỡ hạt (50mm ÷ 100 mm)		95% ≤ 5 %	> 5%

c. Chỉ tiêu kỹ thuật than nhập khẩu có nhiệt trị $Q^k \geq 6200$ Kcal/kg

Item Chỉ tiêu	Basic Tiêu chuẩn	Typical Tiêu chuẩn	Rejection Từ chối
Total Moisture/ Độ ẩm	AR	8,5%	> 13,0%
Ash/ Độ tro	AD	23÷29%	< 23,0% > 29,0%;
Volatile Matter/ Chất bốc	AD	12÷19%	< 12,0% > 19,0%;
Total Sulfur/ Lưu huỳnh	AD	≤ 0,9	> 0,9%
Gross Calorific Value/Tổng nhiệt trị	DB	≥ 6.200 kcal/kg	< 6.100 kcal/kg
HGI/chi số nghiền		≥ 65	< 65
Size/cỡ hạt (0÷50mm) Size/cỡ hạt (50mm ÷ 100 mm)		95% ≤ 5 %	> 5%

Ghi chú: Tùy theo năng lực nhà thầu có thể báo giá một trong các chủng loại hoặc tất cả các chủng loại than theo chỉ tiêu kỹ thuật nêu trên.

2. Điều kiện thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ mua Clinker/xi măng trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên A nhận đầy đủ chứng từ theo quy định của hợp đồng.

II. Nội dung đề nghị Quý nhà thầu Báo giá

Trên tinh thần hợp tác, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đề nghị Quý nhà thầu báo giá theo các nội dung như sau:

1. Biểu mẫu đề nghị báo giá:

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền độ cung cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)
1							
2							
	Tổng cộng						
	Thuế GTGT						
	Tổng cộng giá trị sau thuế						

2. Điều kiện thanh toán:.....

3. Các yêu cầu/đề xuất khác nếu có:.....

4. Thời gian có hiệu lực của báo giá:

Báo giá được gửi Bản gốc hoặc bản Scan cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trước 15h 00, ngày 06/11/2025 theo địa chỉ dưới đây:

- Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Địa chỉ: Km6, QL 18A, Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

- Người nhận: Nguyễn Thị Minh Chi, Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản. SĐT: 0965.918.899.

- ĐT: 2033.721.996 Fax: 2033.714.605.

Mong nhận được sự hợp tác của Quý nhà thầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,ĐT&QLTS.Chi02

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Quang Thoa